

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- *Vietnam Exchange;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3/
Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3

- Mã chứng khoán / *Stock code*: DRL
- Địa chỉ/*Address*: Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng / *Nha Den Village, Dak Wil Commune, Lam Dong Province.*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02613 684 888; Fax: 02613 684 666
- E-mail: *thuydiendl3@gmail.com*

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*: (Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh/*Vietnamese version and English version*)

- Nghị quyết số 73- NQ/PC3HP.Co-HĐQT, ngày 28/10/2026 về một số nội dung Quyết nghị tại phiên họp HĐQT quý III năm 2026;

- *Resolution No.73- NQ/PC3HP.Co-HĐQT, dated 28/10/2026, regarding certain matters resolved during the Board of Directors' meeting for the third quarter of 2026;*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/10/2026 tại đường dẫn <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong> /*This information was published on the company's website on 28/10/2026, as in the link: http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết đính kèm;
- *Resolution attached;*

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY
ĐIỆN -
ĐIỆN
LỰC 3

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
- ĐIỆN LỰC 3
DN: C=VN, L=ĐẮK NÔNG,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:0400456277,
E=minhhoang2097@
gmail.com
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.28
16:18:30+0700
Foxit PDF Reader Version:
2024.3.0

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(*Signature, full name, position, and seal*)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Vương

**NGHỊ QUYẾT
của Hội đồng quản trị tại phiên họp quý III năm 2026**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.
Căn cứ nội dung Biên bản họp HĐQT quý III năm 2026.
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý III năm 2026; Kế hoạch SXKD quý IV năm 2026: Chi tiết theo báo cáo của Giám đốc, cụ thể:

1.1. Các chỉ tiêu tài chính thực hiện trong quý III năm 2026:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch Quý III/2026	Thực hiện Quý III /2026	Tỷ lệ (%) TH so với KH Quý III/2026	Thực hiện Quý III /2025	Tỷ lệ (%) thực hiện so với cùng kỳ
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(3)/(5)
I	Sản lượng điện thương phẩm	TrkWh	75.76	24.50	20.19	82.39	24.10	83.75
1	NMTĐ Đrây H'Linh2	TrkWh	75.76	24.50	20.19	82.39	24.10	83.75
	Biểu 1		40.39	15.90	9.15	57.57	13.08	70.00
	Biểu 2		21.30	4.90	3.83	78.10	4.43	86.37
	Biểu 3		14.07	3.70	7.20	194.72	6.59	109.26
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	98.31	22.29	18.57	83.34	22.00	84.41
1	Doanh thu SXKD	Tỷ đồng	94.84	21.45	17.22	80.31	21.10	81.62
1.1	- Doanh thu từ sản xuất điện	Tỷ đồng	82.70	17.33	14.27	82.34	17.05	83.73
	Biểu 1		28.99	11.26	6.48	57.57	9.26	70.00
	Biểu 2		43.58	3.46	2.71	78.10	3.13	86.37
	Biểu 3		10.13	2.61	5.09	194.72	4.66	109.26
1.2	- DT từ Thuế TN nước	Tỷ đồng	8.35	2.70	2.22	82.39	2.66	83.75
1.3	- DT từ Phí MT rừng	Tỷ đồng	2.73	0.88	0.73	82.39	0.87	83.75
1.4	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	Tỷ đồng	1.06	0.53		-	0.53	-
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3.47	0.84	1.35	160.98	0.90	149.82
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	-	0.00	-
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	43.35	12.85	11.12	86.51	12.12	91.77

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch Quý III/2026	Thực hiện Quý III /2026	Tỷ lệ (%) TH so với KH Quý III/2026	Thực hiện Quý III /2025	Tỷ lệ (%) thực hiện so với cùng kỳ
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	54.96	9.43	7.45	79.02	9.88	75.39
1	Tổng LN không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	Tỷ đồng	54.96	9.43	7.45	79.02	9.88	75.39
1.1	Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)	Tỷ đồng	51.49	8.59	6.10	71.03	8.98	67.94
1.2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3.47	0.84	1.35	160.98	0.90	149.82
1.3	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0.00					
2	Lãi/ lỗ CLTG (nếu có)	Tỷ đồng	0.00					
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	10.99	1.89	1.51	80.11	1.99	75.87
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	43.97	7.54	5.94	78.75	7.89	75.27
VII	Trích các quỹ (Bao gồm Quỹ Khen thưởng phúc lợi)	Tỷ đồng	3.09	0.78	0.00	-	0.78	-
VIII	Lợi nhuận còn lại	Tỷ đồng	40.87	6.77	5.94	87.82	7.11	83.51
IX	Cổ tức dự kiến đạt được	%	43.00	7.13	6.25	87.71	7.48	83.62

1.2. Các chỉ tiêu tài chính thực hiện lũy kế đến 30/09/2026 theo Phụ lục đính kèm.

1.3. Kế hoạch SXKD quý IV năm 2026:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch Quý IV/2026	Thực hiện Quý IV/2025	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ	Ghi chú
I	Sản lượng điện thương phẩm	TrkWh	75.76	28.75	29.61	97.08	
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	98.31	32.76	33.35	98.23	
1	Doanh thu SXKD		94.84	31.76	32.57	97.49	
1.1	- Doanh thu từ sản xuất điện	Tỷ đồng	82.70	27.55	28.24	97.55	
1.2	- DT từ Thuế TN nước	Tỷ đồng	8.35	3.17	3.26	97.08	
1.3	- DT từ Phí MT rừng	Tỷ đồng	2.73	1.03	1.07	97.08	
1.4	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	Tỷ đồng	1.06	0.00	0.00	-	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3.47	1.00	0.77	129.68	
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	-	
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	43.35	12.08	14.48	83.44	
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	54.96	20.68	18.87	109.58	
1	Tổng LN không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	Tỷ đồng	54.96	20.68	18.87	109.58	
1.1	Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)	Tỷ đồng	51.49	19.68	18.10	108.72	
1.2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3.47	1.00	0.77	129.68	
1.3	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0.00			-	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch Quý IV/2026	Thực hiện Quý IV/2025	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ	Ghi chú
2	Lãi/lỗ CLTG (nếu có)	Tỷ đồng	0.00			-	
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	10.99	4.14	3.86	107.02	
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	43.97	16.54	15.01	110.24	
VII	Trích các quỹ (Bao gồm Quỹ Khen thưởng phúc lợi)		3.12	0.90	1.82	49.46	
VIII	Lợi nhuận còn lại	Tỷ đồng	40.85	15.64	13.19	118.63	
IX	Cổ tức dự kiến đạt được	%	43.00	16.47	13.87	118.75	

1.4. Các nội dung khác thống nhất theo báo cáo của Giám đốc.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 1075-TTr/PC3HP.Co-NV ngày 20/10/2026 của Giám đốc và giao Giám đốc triển khai lập hồ sơ dự án đầu tư: Nâng cấp hệ thống thiết bị công nghệ phục vụ vận hành NMTĐ Drây H'Linh 2 theo thị trường điện. Báo cáo HĐQT phê duyệt theo quy định hiện hành.

Điều 3. Thống nhất dừng công trình “Nâng cấp hệ thống role bảo vệ khối máy phát – máy biến áp tổ máy số 1 NMTĐ Drây H'Linh 2”.

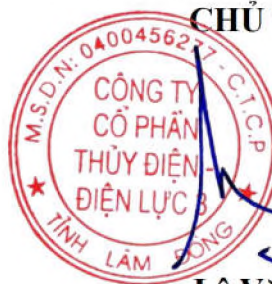
Điều 4. Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Lê Văn Thành – Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Nghiệp vụ giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiệp vụ.

Điều 5. Các ông/bà trong HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các nội dung Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Anh

PHỤ LỤC: CHỈ TIÊU SXKD 9 THÁNG NĂM 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch 9 tháng đầu năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	(%) TH so với KH 9 tháng 2026	TH 9 tháng so với KH năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2025	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ	Dự kiến TH Quý IV/2026	Dự kiến thực hiện năm 2026	% Dự kiến TH so với KH 2026	Lũy kế TH năm 2025	TH 2026 so với cùng kỳ 2025
	A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(3)/(1)	(5)	(6)=(3)/(5)	(7)	(8)=(3)+(7)	(9)=(8)/(1)	(10)	(11)=(8)/(10)
I	Sản lượng điện thương phẩm	TrkWh	75.76	51.60	47.01	91.11	62.06	56.65	82.99	28.75	75.76	100.00	86.26	87.83
1	NMTĐ Đrây H'Linh2	TrkWh	75.76	51.60	47.01	91.11	62.06	56.65	82.99	28.75	75.76	100.00	86.26	87.83
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	98.31	68.60	64.12	93.47	65.22	72.59	88.33	32.76	96.87	98.53	105.93	91.45
1	Doanh thu SXKD		94.84	66.03	60.58	91.75	63.87	70.08	86.44	31.76	92.33	97.35	102.66	89.94
1.1	- Doanh thu từ sản xuất điện	Trđồng	82.70	57.95	52.64	90.84	63.65	60.83	86.53	27.55	80.19	96.96	89.08	90.02
1.2	- DT từ Thuế TN nước	Tỷ đồng	8.35	5.69	5.18	91.11	62.06	6.14	84.33	3.17	8.35	100.00	9.93	84.10
1.3	- DT từ Phí MT rừng	Tỷ đồng	2.73	1.86	1.69	91.11	62.06	2.04	82.99	1.03	2.73	100.00	2.58	105.52
1.4	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	Tỷ đồng	1.06	0.53	1.06	-	100.00	1.06	100.00	0.00	1.06	100.00	1.06	100.00
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3.47	2.57	3.54	137.53	101.96	2.50	141.35	1.00	4.54	130.78	3.27	138.60
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	43.35	31.47	29.33	93.19	67.66	30.10	97.43	12.08	41.41	95.51	44.58	92.89
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	54.96	37.13	34.79	93.70	63.29	42.48	81.88	20.68	55.46	100.91	61.35	90.40
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	10.99	7.43	7.02	94.55	63.86	8.54	82.20	4.14	11.16	101.49	12.40	89.93
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	43.97	29.70	27.77	93.48	63.15	33.94	81.81	16.54	44.31	100.77	48.95	90.52
VII	Trích các quỹ (Bao gồm Quỹ Khen thưởng phúc lợi)	Tỷ đồng	3.09	2.32	1.96	84.37	63.28	2.33	84.17	0.90	2.86	92.37	4.19	68.12
VIII	Lợi nhuận còn lại	Tỷ đồng	40.87	27.38	25.81	94.26	63.14	31.62	81.63	15.64	41.45	101.41	44.75	92.62
IX	Cổ tức dự kiến đạt được	%	43.00	28.83	27.16	94.19	63.15	33.27	81.63	16.46	43.63	101.47	47.11	92.62
X	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	40.08	23.84	23.04	96.64	57.49	30.66	75.15	14.34				